

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DSST.

Ngày: 22/6/2021.

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lộc Thị Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Chí Công – Thẩm tra viên Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại Phòng xử án TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 87/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266-268 đường NK, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T – Chức vụ: Phó phòng giao dịch Cư Jút – Chi nhánh Đắk Nông (Có mặt).

*Bị đơn:* Ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản lấy lời khai; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án, và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngày 18/3/2019 ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch huyện C có ký kết hợp đồng tín dụng với ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M và phía ngân hàng đã thực hiện giải ngân cho ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M với nội dung chi tiết như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số LD1907400063 ngày 18/3/2019 với số tiền vay là 320.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng vốn (tiêu dùng), lãi suất vay trong hạn 12.5%/năm, cố định lãi suất vay trong 06 tháng đầu tiên, từ

tháng thứ 7 trở đi lãi suất thả nổi và định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất huy động 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ + biên độ 5%/năm; kỳ trả lãi chia làm 05 kỳ, mỗi kỳ 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Khi đến kỳ trả nợ mà khách hàng không thanh toán đúng và đầy đủ thì Ngân hàng S được toàn quyền chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế còn lại của Hợp đồng này và các Hợp đồng tín dụng khác (nếu có) dù chưa đến hạn chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật, bao gồm cả xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

+ Hợp đồng tín dụng số LD1907400061 ngày 18/3/2019 với số tiền vay là 80.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng vốn (tiêu dùng), lãi suất vay trong hạn 11.5%/năm, thời điểm trả hết nợ ngày 19/3/2020

Để đảm bảo cho 02 khoản vay trên ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M đã thế chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 982252, số vào sổ cấp GCN: H 795 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 20/3/2012 mang tên ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M; thửa số 92, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại xã E, huyện C theo hợp đồng thế chấp số 0281/19/TCCJ ngày 18/3/2019. Đến hạn thanh toán ngày 19/3/2020 theo lịch trả nợ thì ông K, bà M phải thanh toán cho ngân hàng số tiền là 136.711.137 đồng (trong đó: tiền gốc là 85.000.000 đồng; tiền lãi là 51.711.137 đồng) nhưng ông T, bà M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà mới chỉ mới thanh toán được số tiền 166.493 đồng.

Ngoài ra, ngày 13/4/2019 ông Lò Khăm T có phát sinh quan hệ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 51/2019/HĐ ngày 13/4/2019 với hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng, và cam kết của khách hàng (ông Lò Khăm T) cũng cam kết việc được Ngân hàng S cấp tín dụng có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào (tại bất kỳ thời điểm nào) thì nghĩa vụ bảo đảm đó đương nhiên bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông T đã sử dụng vượt hạn mức, tổng số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng trên là 44.126.505 đồng và hiện nay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Quá trình làm việc, ngân hàng đã nhiều lần ra thông báo, liên lạc và làm việc trực tiếp với ông T, bà M đồng thời tạo điều kiện về mọi mặt cho khách hàng trả nợ nhưng ông T, bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/6/2021) ông Lò Khăm T, bà Vi Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 586.873.257 đồng; cụ thể như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1907400061 ngày 18/3/2019 (Nợ gốc 80.000.000 đồng; Lãi trong hạn 20.678.439 đồng; Lãi quá hạn 5.809.864 đồng; Lãi chậm trả: 1.144.127 đồng).

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1907400063 ngày 18/3/2019 (Nợ gốc 320.000.000 đồng; Lãi trong hạn 91.502.357 đồng; Lãi quá hạn 878.774 đồng; Lãi chậm trả: 6.224.241 đồng).

+ Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 51/2019/HĐ ngày 13/4/2019 số tiền cá nhân ông Lò Khăm T còn nợ là: 60.635.455 đồng (trong đó: nợ gốc 44.126.505 đồng; nợ lãi 16.508.950 đồng).

Nay Ngân hàng S yêu cầu Tòa án buộc ông Lò Khăm T, bà Vi Thị M phải thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử và tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản bảo đảm đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, qua kết quả xác minh ngày 11/11/2020, trưởng Thôn S, xã E, huyện C cung cấp thông tin thể hiện: ông T, bà M hiện nay không có mặt tại địa phương; chính quyền địa phương hiện nay không biết ông T, bà M đang sinh sống, làm việc tại đâu. Quá trình giải quyết vụ án, để thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M thông qua việc niêm yết công khai nhưng ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M đều vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút: Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc HĐXX tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng S) số tiền còn nợ lại theo nội dung các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng. Trường hợp ông T, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M cư trú tại: Thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết; do đó quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó việc HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà M là đúng quy định của pháp luật.

[4] *Về nội dung vụ án:*

Xét giao dịch giữa Ngân hàng S và ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự trên là phù hợp với quy định pháp luật. Trong quá trình vay ông T, bà M đã nhận đủ số tiền vay. Tuy nhiên, từ ngày vay ông T, bà M đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ trong các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ lại theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ, phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về nghĩa vụ trả nợ:*

- Đối với các khoản vay thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số LD1907400061 ngày 18/3/2019 và Hợp đồng tín dụng số LD1907400063 ngày 18/3/2019; nội dung hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ đều thể hiện bên vay là ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M, có chữ ký của ông T, bà M dưới phần thông tin Bên được cấp tín dụng trong 02 hợp đồng tín dụng này nên đây là khoản nợ chung của ông T, bà M. Do đó, ông T, bà M phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với các khoản nợ này.

- Đối với khoản nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 51/2019/HĐ ngày 13/4/2019; đây là Giấy đề nghị cấp thẻ áp dụng cho khách hàng là cá nhân, ông Lò Khăm T là chủ thẻ chính và là người duy nhất trực tiếp ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S nên đây là khoản nợ riêng của ông Lò Khăm T, ông Lò Khăm T phải có nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ này.

[6] *Về xử lý, tài sản bảo đảm:* Hợp đồng tín dụng số LD1907400061 và Hợp đồng tín dụng số LD1907400061 ngày 18/3/2019 được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 0281/19/TCCJ ngày 18/3/2019 giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đắk Nông – PGD Cư Jút với ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M;

*Tại điểm a Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quy định nghĩa vụ bảo đảm bao gồm: Toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng với Ngân hàng S Hợp đồng tín dụng số LD1907400061 và Hợp đồng tín dụng số LD1907400061 ngày 18/3/2019 và tất cả các sửa đổi, bổ sung, phụ lục hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, các cam kết của Bên được cấp tín dụng với Ngân hàng S dưới hình thức cấp tín dụng theo quy định của pháp luật...*

*Điểm b Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quy định: Các nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng với Ngân hàng S bao gồm các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai, phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng này;*

Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 51/2019/HĐ ngày 13/4/2019 ông Lò Khăm T đã thỏa thuận và cam kết việc được Ngân hàng S cấp tín dụng có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào (tại bất kỳ thời điểm nào) thì nghĩa vụ bảo đảm đó đương nhiên bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ. Do đó, các khoản vay của ông T, bà M tại Ngân hàng S đều được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 0281/19/TCCJ ngày 18/3/2019; trường hợp ông T, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[7] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M có nghĩa vụ trả nguyên đơn toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với tiền 2.700.000 đồng.

[8] *Về án phí:* Ông Lò Khăm T, bà Vi Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Các Điều 299, 317, 323, 318, 319, 320, 357, 429, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số LD1907400061 ngày 18/3/2019 và hợp đồng tín dụng số LD1907400063 ngày 18/3/2019 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/6/2021) tổng số tiền 526.237.802 đồng; cụ thể như sau:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1907400061 ngày 18/3/2019 (Nợ gốc 80.000.000 đồng; Lãi trong hạn 20.678.439 đồng; Lãi quá hạn 5.809.864 đồng; Lãi chậm trả: 1.144.127 đồng).

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LD1907400063 ngày 18/3/2019 (Nợ gốc 320.000.000 đồng; Lãi trong hạn 91.502.357 đồng; Lãi quá hạn 878.774 đồng; Lãi chậm trả: 6.224.241 đồng).

Buộc ông Lò Khăm T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ lại theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 51/2019/HĐ ngày 13/4/2019 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/6/2021) là: 60.635.455 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/6/2021) ông T, bà M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông Lò Khăm T, bà Vi Thị M không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số nợ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 982252, số vào sổ cấp GCN: H 795 do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 20/3/2012 mang tên ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M; thửa số 92, tờ bản đồ số 27 tọa lạc tại xã E, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng thế chấp số 0281/19/TCCJ ngày 18/3/2019 để thu hồi nợ.

Về án phí: Buộc ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.049.500 đồng.

Ông Lò Khăm T còn phải chịu án phí dân sự trên số nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 51/2019/HĐ ngày 13/4/2019 là 3.032.000 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền 12.088.500 đ (*Mười hai triệu, không trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0003065 ngày 12 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Lò Khăm T và bà Vi Thị M phải hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.700.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHDS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lộc Thị Vinh**